

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 8 - 2025
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Phú và Ông Hoàng Công Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Lực - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 36/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025, về việc “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm: 1987; nơi đăng ký cư trú: thôn T, xã N, tỉnh Quảng Trị (trước đây là thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình); nơi ở hiện nay: Đ, thôn P, xã N, tỉnh Quảng Trị (trước đây là Đội 1, thôn P, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình). Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Mai Văn L, sinh năm: 1977; nơi cư trú: thôn T, xã N, tỉnh Quảng Trị (trước đây là thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình tố tụng tại Tòa án và Đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Mai Văn L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND xã Q, thành phố H) vào ngày 30 tháng 6 năm 2004. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L tính

tình thay đổi, không quan tâm, chăm sóc vợ con, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung, mỗi lần cãi vã anh L có hành vi chửi bới, đánh đập chị. Chị đã nhiều lần tạo cơ hội để anh L thay đổi, gia đình hai bên nội ngoại hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Vì không sống chung được nữa nên vợ chồng ly thân nhau từ năm 2007 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Mai Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Mai Trần Gia H1, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2004 và Mai Thị Kiều T, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2006; các con chung đã đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Mai Văn L:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập nhưng anh L không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành xác minh, kết quả xác minh như sau:

Tại Công an xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là Công xã N, tỉnh Quảng Trị) xác định: “Công dân Mai Văn L, sinh ngày 10/5/1977, có CCCD số 044077005953, đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là thôn T, xã N, tỉnh Quảng Trị); hiện đang có mặt, làm ăn, sinh sống tại địa phương”.

Tại UBND xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là UBND xã N, tỉnh Quảng Trị) xác định: “UBND đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập đến hòa giải tại Tòa án. Sau khi nhận được các văn bản trên, đã cử cán bộ tổng đạt trực tiếp cho anh Mai Văn L. Xác nhận ông Mai Văn L, sinh năm 1976 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và ông Mai Văn L, sinh năm 1977 theo căn cước công dân là một người”.

Toà án Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập đương sự đến phiên toà nhưng anh L vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa. Toà án mở phiên tòa lần hai, tiếp tục triệu tập anh L đến tham gia phiên tòa nhưng anh L vẫn vắng mặt, các lần mở phiên tòa đã được Tòa án triệu tập và niêm yết hợp lệ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định; nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H để xử cho chị H

được ly hôn với anh L. Các con chung đã trưởng thành, chị H không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung nên không xem xét. Buộc chị H chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thị H có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Mai Văn L, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Mai Văn L có đăng ký cư trú tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là xã N, tỉnh Quảng Trị); căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, không vi phạm điều kiện kết hôn nên quan hệ hôn nhân của hai người là hợp pháp.

Căn cứ vào trình bày của chị H và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chị H và anh L sau kết hôn chung sống hạnh phúc khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L tính tình thay đổi, không quan tâm, chăm sóc vợ con, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung, mỗi lần cãi vã anh L có hành vi chửi bới, đánh đập chị. Chị đã nhiều lần tạo cơ hội để anh L thay đổi, gia đình hai bên nội ngoại hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Vì không sống chung được nữa nên vợ chồng ly thân nhau từ năm 2007 cho đến nay.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương nhau cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, anh L vắng mặt, không thể hiện có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị H, không có bất cứ động thái hay biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, níu kéo, cứu vãn cuộc hôn nhân. Từ đó thấy hôn nhân giữa chị H và anh L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị H, xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Mai Văn L là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H trình bày có 02 con chung tên là M Trần Gia H1 và Mai Thị Kiều T, 2006 đã trưởng thành, chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Hồng C án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về “mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị H, xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Mai Văn L.

2. Án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Hồng C trách nhiệm nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003554 ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị), chị H đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 3;
- Cơ quan THA tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Quảng Điền, tp Huế (GCNKH số 34 ngày 30/6/2004) ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Anh Đức

